



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN

SỐ 17/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hón Quán, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN KHÓA XII, KỲ HỌP CUỐI THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-KTXH ngày 10/12/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư công:

- Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của huyện.

- Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025.

- Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

- Không bố trí vốn cho các chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

- Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, trả nợ vay.

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.

+ Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới.

2. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025:

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương đoạn 2021 - 2025 là 917,170 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn phân cấp:	135,930 tỷ đồng.
- Vốn thu tiền sử dụng đất:	602,240 tỷ đồng.
- Vốn chương trình MTQG XD NTM:	125,000 tỷ đồng.
- Vốn tăng thu, kết dư năm 2020:	40,000 tỷ đồng.
- Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học:	14,000 tỷ đồng.

3. Phương án phân bổ:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 là 917,170 tỷ đồng, bao gồm:

- Dự án chuyển tiếp: 8,434 tỷ đồng.
- Dự án khởi công mới: 855,516 tỷ đồng.
- Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021 - 2025: 30,320 tỷ đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025: 2,990 tỷ đồng.
- Vốn dự phòng: 19,910 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, giao UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét, điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- HĐND - UBND - UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- HĐND - UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH





KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021–2025
Nguồn vốn ngân sách địa phương
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2021 của HĐND huyện)

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
	Tổng cộng		943.251	883.930	135.930	583.000	125.000	40.000	917.170	135.930	602.240	125.000	14.000	40.000	33.240
A	Công trình chuyển tiếp		68.429	17.930	8.830	9.100	-	-	8.434	8.434	-	-	-	-	(9.496)
I	Giao thông		5.000	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai		5.000	3.000	3.000				3.000	3.000					-
II	Giáo dục		18.185	3.750	3.750	-	-	-	3.750	3.750	-	-	-	-	-
1	Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1830 ngày 13/10/2019	9.985	1.650	1.650				1.650	1.650					-
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An	1865 ngày 29/10/2019	3.500	1.100	1.100				1.100	1.100					-
3	Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1829 ngày 23/10/2019	4.700	1.000	1.000				1.000	1.000					-
III	Hạ tầng đô thị		45.244	9.100	-	9.100	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.100)
1	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án XD đường trục chính Bắc Nam giai đoạn 3, Trung tâm văn hóa TĐTT, đường Đông Tây 9	1983 ngày 27/10/2016	35.426	4.100		4.100			-		-				(4.100)
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trước trường THPT Nguyễn Hữu Cánh tại ấp 1, thị trấn Tân Khai	920 ngày 25/6/2018	9.818	5.000		5.000			-		-				(5.000)
IV	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			2.080	2.080	-			1.684	1.684	-				(396)
B	Công trình khởi công mới		874.822	823.818	94.550	564.268	125.000	40.000	855.516	94.946	581.570	125.000	14.000	40.000	31.698
	Công nghiệp		6.500	6.100	-	2.000	1.500	2.600	6.100	-	2.000	1.500	-	2.600	-
1	Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tăng Hách, xã An Phú	2216 ngày 31/12/2020	1.650	1.500			1.500		1.500			1.500			-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp		2.850	2.600				2.600	2.600					2.600	-
3	Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú		2.000	2.000		2.000			2.000		2.000				-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		499.310	591.670	45.010	442.968	83.600	20.092	600.718	45.010	452.016	83.600	-	20.092	9.048
1	Đường nhựa trước UBND xã An Phú	2213 ngày 31/12/2020	4.000	3.600			3.600		3.600			3.600			-
2	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215 ngày 31/12/2020	6.000	5.300			5.300		5.300			5.300			-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 20 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
3	Láng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long	2214 ngày 31/12/2020	6.300	5.300		5.300		5.300			5.300			-	
4	Láng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		5.300		5.300			5.300			-	
5	Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)	2158 ngày 31/12/2020	2.000	1.800	1.800			1.800	1.800					-	
6	Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long	2209 ngày 31/12/2020	6.000	5.400	5.400			5.400	5.400					-	
7	Hạ tầng KDC Xa Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình	2211 ngày 31/12/2020	3.000	2.700	2.700			2.700	2.700					-	
8	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ		12.000	9.000		9.000		9.000		9.000				-	
9	Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2201 ngày 31/12/2020	4.500	4.100		4.100		4.100		4.100				-	
10	Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2202 ngày 31/12/2020	3.700	3.350		3.350		3.350		3.350				-	
11	Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2203 ngày 31/12/2020	3.700	3.250		3.250		3.250		3.250				-	
12	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2204 ngày 31/12/2020	8.500	7.600	1.000	6.600		7.600	1.000	6.600				-	
13	Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đồng Nơ	2199 ngày 31/12/2020	7.500	6.800		5.400	1.400	6.800		5.400			1.400	-	
14	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	2212 ngày 31/12/2020	6.500	6.000		-	6.000	6.000		-			6.000	-	
15	Đường Bắc Nam nối dài		5.600	5.000		5.000		-		-				(5.000)	
16	Các tuyến đường BTXM			141.760		134.268	5.300	2.192	130.908		123.416	5.300		2.192	(10.852)
17	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rủi, xã An Phú		7.600	6.600		6.600		6.600			6.600			-	
18	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ		10.600	9.500		2.300	7.200	9.500		2.300	7.200			-	
19	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km		6.400	5.700		1.200	4.500	5.700		1.200	4.500			-	
20	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km		5.600	5.000		1.400	3.600	5.000		1.400	3.600			-	

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 20 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
21	Nâng cấp đoạn đường ĐH Minh Đức - Đồng Nơ, đoạn từ ngã ba Bưu điện đến dốc Hương Cường dài 1,8km		11.000	10.000		6.600	3.400		10.000		6.600	3.400			-
22	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan		7.600	4.600	2.100			2.500	7.600	2.100				5.500	3.000
23	Nâng cấp đường vào mô cát xã Tân Hiệp		5.700	2.500				2.500	5.200		2.700			2.500	2.700
24	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng		3.600	2.500				2.500	2.500					2.500	-
25	Xây dựng đường Đông Tây 9		18.000	16.000		16.000			16.000		16.000				-
27	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản		8.000	7.200		7.200			7.200		7.200				-
28	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dâm – Địa Hạt, xã Thanh An		18.000	16.200		8.200	8.000		16.200		8.200	8.000			-
29	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ		7.600	6.900	6.900				6.900	6.900					-
30	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ		11.000	10.000		10.000			10.000		10.000				-
31	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An		8.000	7.200		7.200	-		7.200		7.200	-			-
32	Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An		10.000	9.000		5.000	4.000		9.000		5.000	4.000			-
33	Nâng cấp đường huyện Tân Lợi – Phước An – Thanh Bình		20.000	18.000		18.000			18.000		18.000				-
34	Xây dựng đường Đông Tây 12		30.000	27.000		27.000			27.000		27.000				-
35	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát		15.000	13.500			13.500		13.500			13.500			-
36	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức		10.000	9.000		1.000	8.000		9.000		1.000	8.000			-
37	Nâng cấp, sửa chữa đường Long Bình – Sóc Lớn		5.000	4.500	4.500	-			4.500	4.500	-				-
38	Xây dựng đường Đông Tây 16 khu TTHC huyện		3.000	27.000	7.260	19.740			27.000	7.260	19.740				-
39	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng các khu đất của Cty CS Bình Long và xây dựng cơ sở hạ tầng.		69.010	69.010		69.010			69.010		69.010				-
40	Xây dựng đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500			13.500		13.500				-
41	Xây dựng đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500			13.500		13.500				-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 20 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
42	Xây dựng đường Bắc Nam 6 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 10		20.000	18.000	13.350	4.650			18.000	13.350	4.650				-
43	Xây dựng đường trục chính Bắc Nam (dự kiến xin điều chỉnh công trình từ vốn tỉnh về vốn huyện)			3.000				3.000	-					-	(3.000)
44	Xây dựng đường từ cổng TTVH xã kết nối đường Trà Thanh - An Khương		500	500		500			500		500				-
45	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên		2.400						2.200		2.200				2.200
46	Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí để huyện đạt chuẩn NTM		45.000	40.000		40.000			40.000		40.000				-
47	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản		23.000						20.000		20.000				20.000
	Giáo dục		322.300	184.380	29.040	110.000	30.300	15.040	205.180	29.040	116.800	30.300	14.000	15.040	20.800
1	Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú		2.600	2.100			2.100		2.100			2.100			-
2	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú		5.000	4.500			4.500		4.500			4.500			-
3	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm		2.000	1.800			1.800		1.800			1.800			-
4	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm		500	450				450	450					450	-
5	Xây dựng hàng rào điểm lẻ trường TH Minh Tâm		400	350				350	350					350	-
6	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi		4.500	2.940	1.000			1.940	2.940	1.000				1.940	-
7	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp		3.600	1.800				1.800	1.800					1.800	-
8	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng		13.500	8.000	3.700			4.300	8.000	3.700				4.300	-
9	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ		7.100	5.600	2.400			3.200	5.600	2.400				3.200	-
10	Xây dựng Trường THCS Tân Khai		70.000	70.000	8.300	58.700		3.000	70.000	8.300	58.700			3.000	-
11	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức		13.500	8.000		2.700	5.300		11.000		5.700	5.300			3.000
12	XD 08 phòng học + 01 phòng đa năng trường MN Minh Đức		8.500	8.000		8.000			-		-				(8.000)
13	XD Trường Mầm non Minh Đức		22.000						5.000		5.000				5.000
14	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình		5.700						4.900		4.000		900		4.900

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
15	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh		13.500						8.500		2.800		5.700		8.500
16	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi		3.500						3.000				3.000		3.000
17	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp		1.600						1.400				1.400		1.400
18	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng		3.500						3.000				3.000		3.000
19	Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Tân Hiệp		1.800	1.620	1.620				1.620	1.620					-
20	Xây dựng 02 phòng học trường TH Trà Thanh		1.000	900	900				900	900					-
21	Xây dựng 03 phòng học trường TH Tân Hưng		1.500	1.400	1.400				1.400	1.400					-
22	Xây dựng 02 phòng học trường TH Tân Khai A		1.000	900	900				900	900					-
23	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình		3.200	2.100	-		2.100		2.100	-		2.100			-
24	Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Thanh An		1.800	1.620	1.620				1.620	1.620					-
25	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Tân Hiệp		2.000	1.800	1.800				1.800	1.800					-
26	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Minh Tâm		2.000	1.800	1.800				1.800	1.800					-
27	Xây dựng 04 phòng học trường THCS Thanh An		2.000	1.800	1.800				1.800	1.800					-
28	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS An Khương		2.000	1.800	1.800	-			1.800	1.800	-				-
29	Đầu tư xây dựng các trường chuẩn QG và Chương trình GD năm 2018		123.000	55.100	-	40.600	14.500		55.100	-	40.600	14.500			-
	Văn hóa		19.497	18.497	7.400	5.300	5.797	-	18.497	7.400	5.300	5.797		-	-
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phổ Lồ, Sóc Rul, An Tân)		1.000	800			800		800			800			-
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú		750	700			700		700			700			-
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng		750	700		700			700		700				-
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)		1.200	1.000			1.000		1.000			1.000			-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 20 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm		750	700			700		700			700			-
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm		750	700			700		700			700			-
7	Xây dựng hàng rào TTVH xã Minh Tâm		1.000	600			600		600			600			-
8	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức		3.000	3.000	3.000				3.000	3.000					-
9	XD nhà văn hóa, cổng nhà văn hóa ấp Sở Nhì		785	785			785		785			785			-
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phát, Sóc Răng, Chà Là, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa		512	512			512		512			512			-
11	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000	1.400	1.600			3.000	1.400	1.600				-
12	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000	3.000				3.000	3.000					-
13	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000		3.000			3.000		3.000				-
	QLNN		15.215	11.171	5.100	-	3.803	2.268	13.021	5.496	1.454	3.803		2.268	1.850
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)		6.800	3.600	3.600	-			5.000	3.600	1.400				1.400
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị		1.500	1.500	1.500				1.500	1.500					-
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình		3.000	2.706			438	2.268	2.706			438		2.268	-
4	Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú		1.100	1.000			1.000		1.000			1.000			-
5	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm		1.200	1.200			1.200		1.200			1.200			-
6	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Thanh Bình và mua sắm máy vi tính		195	195			195		195			195			-
7	XD nhà làm việc Công an xã Thanh Bình		970	970			970		970			970			-
8	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (đối ứng ngân sách huyện)		450						450	396	54				450
	Y tế		12.000	12.000	8.000	4.000	-	-	12.000	8.000	4.000	-		-	-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 5/7/2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 20 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
I	Xây dựng các công trình phục vụ Y tế		12.000	12.000	8.000	4.000			12.000	8.000	4.000				-
C	Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025			30.320	30.320	-	-		30.320	30.320	-	-			-
D	Vốn chuẩn bị đầu tư			2.990	2.230	760			2.990	2.230	760				-
E	Dự phòng			8.872	-	8.872			19.910	-	19.910				11.038